

## NGÂN HÀNG TM CP Á CHÂU (ACB) – CẬP NHẬT KQKD

<b>Giá thị trường</b> VND34.000	<b>Giá mục tiêu</b> VND39.500	<b>Tỷ suất cổ tức</b> 0,00%	<b>Khuyến nghị</b> KHẢ QUAN	<b>Ngành</b> Tài chính
------------------------------------	----------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	---------------------------

Ngày 28/04/2021

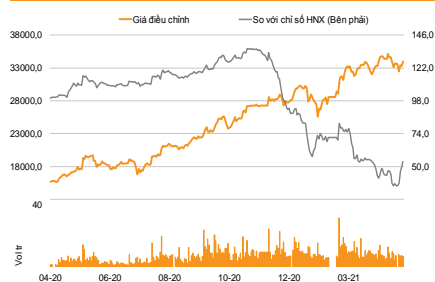
**Triển vọng ngắn hạn:** Tích cực  
**Triển vọng dài hạn:** Tích cực  
**Định giá:** Tích cực

Consensus\*: Mua:15 Giữ:0 Bán:0

Giá mục tiêu/Consensus: 3,4%

### Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

### Diễn biến giá



Nguồn: VND RESEARCH

### Thông tin cổ phiếu

Cao nhất 52 tuần (VND)	35.150
Thấp nhất 52 tuần (VND)	15.621
GTGDBQ 3 tháng (tr VND)	266.026
Thị giá vốn (tỷ VND)	71.980
Free float (%)	76
P/E trượt (x)	9,18
P/B hiện tại (x)	2,07

### Cơ cấu sở hữu

Chủ tịch HĐQT và các bên liên quan	11,3%
Dragon Financial Holdings Limited	6,9%
Whistler Investments Limited	5,0%
Khác	76,8%

Nguồn: VND RESEARCH

### Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Đặng Bảo Ngọc

ngoc.nguyendang@vndirect.com.vn

### Kết quả Q1/21 đầy khả quan

- ACB ghi nhận tín dụng tăng 4,1% trong Q1/21, cao hơn mức tăng 2,3% và 3% trong Q1/20 và Q1/19.
- LNR tăng 61,6% svck đạt 2.483 tỷ đồng trong Q1/21 nhờ TN hoạt động tăng và tỷ lệ CIR cải thiện, phù hợp với dự báo của chúng tôi.
- Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu là 39.500đ/cp.

### LN Q1/21 tăng vọt, đóng góp chủ yếu từ tăng thu nhập (TN) hoạt động

- TN lãi thuần tăng 35,7% svck-mức tăng cao nhất trong 17 quý, đạt 4.640 tỷ đồng, do tín dụng tăng 18% svck và NIM tăng 61điểm cơ bản (đcb) svck.
- Cùng với việc TN phí thuần tăng 68,7% svck đạt 625 tỷ đồng, tổng TN hoạt động tăng 29,6% yoy lên 5.675 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi phí/thu nhập CIR giảm xuống 34,6% (41% nếu loại trừ khoản hoàn nhập bất thường trong chi phí hoạt động), thấp hơn con số 53,9% trong Q1/20 do kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Tuy nhiên, ACB đã mạnh tay trích lập dự phòng, tăng 6,5 lần svck, giúp chất lượng tài sản duy trì vững chắc với tỷ lệ nợ xấu 0,9% và tỷ lệ bao nợ xấu 120,4% cuối Q1/21.
- Do đó, lợi nhuận ròng (LNR) tăng 61,6% svck lên 2.483 tỷ đồng trong Q1/21, hoàn thành 28,4% dự báo cả năm của chúng tôi.

### TN lãi thuần tăng vững chắc nhờ mở rộng cho vay và cải thiện NIM hiệu quả

- Tín dụng tăng 18% svck cuối Q1/21, mức cao nhất 10 quý vừa qua, tương đồng với sự cải thiện GDP lên 4,48% svck trong Q1/21 sv mức 3,68% svck trong Q1/20. ACB đã chứng tỏ được năng lực mở rộng cho vay khi kinh tế phục hồi.
- Biên lãi suất NIM (quy đổi cả năm) Q1/21 đạt 4,3% (+61 đcb svck) do chi phí vốn giảm 137 đcb svck đã bù đắp của lợi suất tài sản giảm 76 đcb. Chi phí vốn thấp hơn nhờ việc cắt giảm lãi suất điều hành và tỷ lệ CASA tăng lên 21,4% cuối Q1/21 (sv 21%/15,9% vào cuối năm 2020 và Q1/20). Trong khi đó, lợi suất tài sản giảm ít hơn mức giảm chi phí vốn, được thúc đẩy bởi tỷ lệ chovay/tiền gửi (LDR) cải thiện lên 83% vào cuối Q1/21 từ mức 78,5%/79,1% vào cuối năm 2020 và cuối Q1/20.

### Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng LNR của ACB đạt 14% trong năm 2021

- Chúng tôi dự báo TN lãi thuần tăng 15% svck nhờ tín dụng tăng trưởng 12% svck và NIM tăng 3đcb svck. TN phí thuần tăng 54,2% svck, đóng góp 48% tổng TN ngoài lãi sv mức 47% trong 2 năm qua, nhờ dòng TN phí hoa hồng và một phần khoản phí trả trước từ mảng banca.
- Chúng tôi kỳ vọng hệ số CIR cả năm là 47% trong khi chi phí dự phòng sẽ chiếm khoảng 7% LN trước dự phòng (tỷ lệ này là 8,9%/3,5% trong năm 2020/2019).
- LNR ước tính tăng 14% svck với chất lượng tài sản liên tục vững chắc trong năm 2021.

### Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu không đổi là 39.500đ/cp

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả quan đối với cổ phiếu ACB. Giá mục tiêu của chúng tôi dựa trên định giá thu nhập thẳng dư (COE: 14%, LTG: 3%) và P/B mục tiêu 2021 đạt 2,0x với tỷ trọng bằng nhau.
- Tiềm năng tăng giá là tín dụng và NIM tăng cao hơn dự báo. Rủi ro giảm giá là mức nợ xấu cao hơn dự báo.

Tổng quan tài chính (VND)	12-19A	12-20A	12-21E	12-22E
Thu nhập lãi thuần (tỷ)	12.112	14.582	16.791	19.287
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên	3,5%	3,7%	3,7%	3,8%
Tổng lợi nhuận hoạt động (tỷ)	16.097	18.161	22.251	25.426
Tổng trích lập dự phòng (tỷ)	(274)	(941)	(765)	(839)
LN ròng (tỷ)	6.010	7.683	8.740	10.117
Tăng trưởng LN ròng	17,0%	27,8%	13,8%	15,7%
EPS điều chỉnh	2.998	3.630	3.974	4.611
BVPS	13.916	16.399	20.443	25.123
ROAE	24,6%	24,3%	22,0%	20,5%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

**KẾT QUẢ Q1/21 ĐẦY KHẢ QUAN**

**Hình 1: Tóm tắt kết quả kinh doanh Q1/21**

FYE (Tỷ đồng)	Q1/21	Q1/20	% svck	Q4/20	% sv quý trước	Dự báo 2021 của VND	% dự báo của VND	Nhận xét
Thu nhập lãi thuần (NII)	4.640	3.419	35,7%	4.416	5,1%	16.791	27,6%	Phù hợp với dự báo của chúng tôi
Thu nhập ngoài lãi (Non-II)	1.036	959	8,0%	780	32,9%	5.460	19,0%	Phù hợp với dự báo của chúng tôi. Cụ thể, TN phí thuần (NFI) - đóng góp hơn 47% tổng thu nhập ngoài lãi trong 2 năm vừa qua, đã tăng 68,7% svck trong Q1/21 và hoàn thành 23,9% dự phòng NFI cả năm của chúng tôi (NFI đóng góp 60,4% tổng thu nhập ngoài lãi trong Q1/21),
Thu nhập HĐKD (TOI)	5.675	4.378	29,6%	5.195	9,2%	22.251	25,5%	Phù hợp với dự báo của chúng tôi
Chi phí HĐKD	(1.965)	(2.361)	-16,7%	(1.764)	11,4%	(10.569)	18,6%	Thấp hơn dự báo của chúng tôi do ngân hàng đã (i) kiểm soát chi phí hiệu quả và (ii) hoàn nhập một khoản bất thường trong chi phí hoạt động, bởi vì kể cả khi loại trừ khoản hoàn nhập bất thường thì tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) Q1/21 là 41% vẫn thấp hơn tỷ lệ 53,9% trong Q1/20. Chi phí hoạt động giảm 16,7% svck trong Q1/21 và hoàn thành 18,6% dự phòng cả năm của chúng tôi. Trong Q1/21, ACB đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và rủi ro tài sản khác trị giá 363 tỷ đồng cao hơn mức hoàn nhập 147 tỷ đồng trong Q1/20 làm giảm chi phí hoạt động svck. Đồng thời, chi phí cho nhân viên giảm 13,5% svck do mảng chi khác giảm 23,3% svck.
LN trước dự phòng	3.710	2.018	83,9%	3.432	8,1%	11.682	31,8%	
Chi phí dự phòng	(606)	(93)	553,7%	(247)	145,3%	(765)	79,2%	Cao hơn dự báo của chúng tôi. Trong Q1/21, chất lượng tài sản có dấu hiệu suy giảm, Nợ nhóm 3-5 đã tăng 60,5% sv thời điểm đầu năm. Tuy nhiên, nhờ ACB mạnh tay trích lập dự phòng với chi phí dự phòng tăng 6,5 lần svck trong Q1/21, ngân hàng đã duy trì chất lượng tài sản vững chắc với tỷ lệ nợ xấu dưới 1% và tỷ lệ bao nợ xấu cao. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu là 0,9% và tỷ lệ bao nợ xấu là 120,4% tại cuối Q1/21.
LN trước thuế	3.104	1.925	61,3%	3.185	-2,5%	10.917	28,4%	
LN ròng	2.483	1.537	61,6%	2.550	-2,6%	8.740	28,4%	Phù hợp với dự báo của chúng tôi. LN ròng tăng 61,6% svck trong Q1/21 đạt 2.483 tỷ đồng và hoàn thành 28,4% dự phòng cả năm của chúng tôi, chủ yếu đến từ tăng trưởng thu nhập hoạt động vững chắc.

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

**Hình 2: Các chỉ số tài chính theo quý**

Các chỉ số chính	Q1/18	Q2/18	Q3/18	Q4/18	Q1/19	Q2/19	Q3/19	Q4/19	Q1/20	Q2/20	Q3/20	Q4/20	Q1/21
TN lãi thuần/Tổng thu nhập HĐ	71,8%	77,6%	76,3%	70,6%	81,8%	73,5%	78,5%	69,2%	78,1%	75,9%	81,0%	85,0%	81,7%
TN ngoài lãi/Tổng thu nhập HĐ	28,2%	22,4%	23,7%	29,4%	18,2%	26,5%	21,5%	30,8%	21,9%	24,1%	19,0%	15,0%	18,3%
NIM (dự phòng cả năm)	3,39%	3,42%	3,46%	3,53%	3,56%	3,58%	3,62%	3,59%	3,63%	3,56%	3,59%	3,71%	3,89%
Tỷ lệ chi phí thu nhập (CIR)	50,8%	44,7%	44,9%	47,8%	51,5%	50,0%	49,3%	51,6%	53,9%	48,7%	45,2%	38,2%	34,6%
Tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR)	77,1%	78,1%	77,4%	77,6%	77,9%	79,0%	79,2%	77,7%	79,1%	80,1%	79,6%	78,5%	83,0%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	0,7%	0,8%	0,8%	0,7%	0,7%	0,7%	0,7%	0,5%	0,7%	0,7%	0,8%	0,6%	0,9%
Tỷ lệ bao nợ xấu (LLR)	134,7%	130,8%	129,5%	151,9%	158,1%	161,5%	158,9%	175,0%	148,3%	144,1%	117,5%	160,3%	120,4%
Chi phí tín dụng (Dự phòng cả năm)	0,3%	0,4%	0,4%	0,4%	-0,03%	0,08%	0,09%	0,11%	0,14%	0,39%	0,33%	0,33%	0,76%
ROA (12 tháng gần nhất)	1,6%	1,7%	1,7%	1,7%	1,6%	1,7%	1,7%	1,7%	1,7%	1,6%	1,7%	1,9%	2,1%
ROE (12 tháng gần nhất)	27,6%	28,7%	28,3%	27,7%	25,2%	25,9%	25,6%	24,6%	23,8%	22,5%	22,9%	24,3%	25,6%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

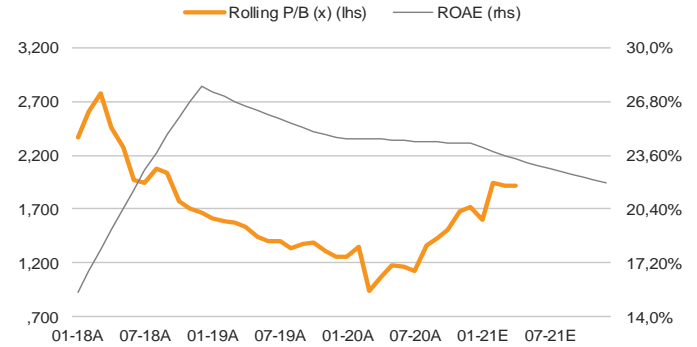
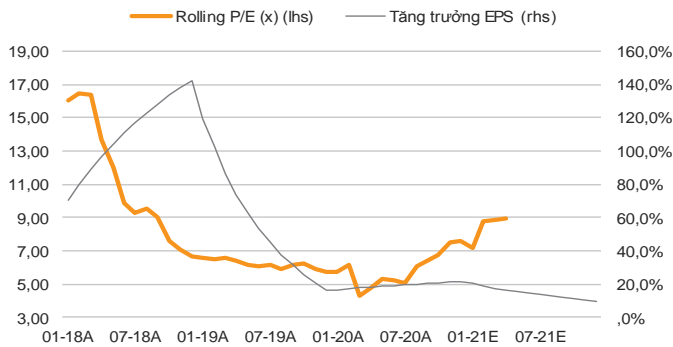
Hình 3: So sánh với các Ngân hàng trong nước

Ngân hàng	Mã Bloomberg	Khuyến nghị	Giá	Giá mục	Vốn hóa	P/B		P/E		Tăng trưởng EPS 3 năm	ROE		ROA	
			đóng cửa (nội tệ)	tiêu (nội tệ) (triệu USD)		2021	2022	2021	2022	%	2021	2022	2021	2022
Vietcombank	VCB VN	KHẢ QUAN	98.600	111.400	15.562	3,1	2,6	17,1	13,9	22,9%	20,7%	20,5%	1,6%	1,7%
Techcombank	TCB VN	KHẢ QUAN	39.450	40.400	5.884	1,6	1,3	9,6	8,2	18,5%	16,0%	15,9%	2,8%	2,8%
VPBank	VPB VN	TRUNG LẬP	53.000	56.300	5.536	2,0	1,7	10,0	9,3	21,1%	21,9%	21,9%	2,9%	2,8%
MBBank	MBB VN	KHẢ QUAN	29.600	35.900	3.525	1,5	1,2	8,0	6,7	21,4%	19,4%	20,6%	1,9%	2,1%
Ngân hàng TMCP BĐ Liên Việt	LPB VN	TRUNG LẬP	20.700	15.900	947	1,4	1,2	11,3	8,1	19,0%	13,8%	14,9%	0,8%	0,9%
Ngân hàng TMCP VIB	VIB VN	TRUNG LẬP	53.800	45.300	2.540	2,5	1,9	10,2	8,2	18,9%	28,3%	26,6%	2,2%	2,1%
<b>Trung Bình</b>						<b>2,0</b>	<b>1,7</b>	<b>11,0</b>	<b>9,1</b>	<b>20,3%</b>	<b>20,0%</b>	<b>20,1%</b>	<b>2,0%</b>	<b>2,1%</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	KHẢ QUAN	33.300	39.500	3.063	1,6	1,3	8,4	7,2	16,0%	22,0%	20,5%	1,9%	1,9%

GIÁ TẠI NGÀY 26 THÁNG 04 2021

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY, BLOOMBERG

**Định giá**



**Báo cáo KQ HDKD**

(tỷVND)	12-20A	12-21E	12-22E
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>14.582</b>	<b>16.791</b>	<b>19.287</b>
<b>Thu nhập lãi suất ròng</b>	<b>3.579</b>	<b>5.460</b>	<b>6.139</b>
<b>Tổng lợi nhuận hoạt động</b>	<b>18.161</b>	<b>22.251</b>	<b>25.426</b>
Tổng chi phí hoạt động	(7.624)	(10.569)	(11.950)
<b>LN trước dự phòng</b>	<b>10.537</b>	<b>11.682</b>	<b>13.476</b>
<b>Tổng trích lập dự phòng</b>	<b>(941)</b>	<b>(765)</b>	<b>(839)</b>
TN từ các Cty LK & LD			
Thu nhập ròng khác			
<b>LN trước thuế</b>	<b>9.596</b>	<b>10.917</b>	<b>12.636</b>
Thuế	(1.913)	(2.176)	(2.519)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>7.683</b>	<b>8.740</b>	<b>10.117</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0
<b>LN ròng</b>	<b>7.683</b>	<b>8.740</b>	<b>10.117</b>

**Bảng cân đối kế toán**

(tỷVND)	12-20A	12-21E	12-22E
Tổng cho vay khách hàng	311.479	348.856	390.719
Cho vay các ngân hàng khác	31.671	36.422	41.885
<b>Tổng cho vay</b>	<b>343.150</b>	<b>385.278</b>	<b>432.604</b>
Chứng khoán - Tổng cộng	70.007	78.407	87.816
Các tài sản sinh lãi khác	16.671	18.672	20.912
<b>Tổng các tài sản sinh lãi</b>	<b>429.828</b>	<b>482.358</b>	<b>541.333</b>
<b>Tổng dự phòng</b>	<b>(3.390)</b>	<b>(3.752)</b>	<b>(4.177)</b>
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>	<b>308.529</b>	<b>345.597</b>	<b>387.094</b>
<b>Tổng tài sản sinh lãi ròng</b>	<b>426.438</b>	<b>478.606</b>	<b>537.157</b>
Tiền mặt và các khoản tiền gửi	6.968	7.281	7.609
Tổng đầu tư	448	468	490
Các tài sản khác	10.676	11.156	11.658
<b>Tổng tài sản không sinh lãi</b>	<b>18.092</b>	<b>18.906</b>	<b>19.757</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>444.530</b>	<b>497.512</b>	<b>556.914</b>
Nợ khách hàng	353.196	395.579	443.049
Dư nợ tín dụng	22.050	22.491	22.941
Tài sản nợ chịu lãi	375.246	418.070	465.989
Tiền gửi	0	0	0
Tổng tiền gửi	375.246	418.070	465.989
Các khoản nợ lãi suất khác	23.992	25.186	26.439
<b>Tổng các khoản nợ lãi suất</b>	<b>399.237</b>	<b>443.256</b>	<b>492.429</b>
Thuế TNDN hoãn lại			
Các khoản nợ không lãi suất khác	9.844	10.068	10.179
<b>Tổng nợ không lãi suất</b>	<b>9.844</b>	<b>10.068</b>	<b>10.179</b>
<b>Tổng nợ</b>	<b>409.082</b>	<b>453.323</b>	<b>502.608</b>
Vốn điều lệ và	21.616	21.616	21.616
Thặng dư vốn cổ phần	272	272	272
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
LN giữ lại	7.819	16.559	26.677
Các quỹ thuộc VCSH	5.742	5.742	5.742
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>35.448</b>	<b>44.189</b>	<b>54.306</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	(0)	(0)
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>35.448</b>	<b>44.189</b>	<b>54.306</b>
<b>Tổng nợ và vốn chủ sở hữu</b>	<b>444.530</b>	<b>497.512</b>	<b>556.914</b>

	12-20A	12-21E	12-22E
<b>Chỉ số tăng trưởng (yoy)</b>			
Tăng trưởng tiền gửi khách hàng	14,6%	12,0%	12,0%
Tổng tăng trưởng cho vay khách hàng	15,9%	12,0%	12,0%
Tăng trưởng thu nhập lãi ròng	20,4%	15,1%	14,9%
Tăng trưởng LN trước dự phòng	35,3%	10,9%	15,4%
Tăng trưởng LN ròng	27,8%	13,8%	15,7%
Tăng trưởng các tài sản sinh lãi	16,5%	12,2%	12,2%
<b>Giá trị cổ phiếu</b>			
EPS cơ bản (VND)	3.702	4.044	4.680
BVPS (VND)	16.399	20.443	25.123
Cổ tức / cp (VND)	0	0	0
Tăng trưởng EPS	21,4%	9,2%	15,7%

**Các chỉ số chính**

	12-20A	12-21E	12-22E
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên	3,7%	3,7%	3,8%
Tỷ lệ chi phí thu nhập	(42,0%)	(47,5%)	(47,0%)
Nợ xấu/ Tổng cho vay	0,6%	0,5%	0,5%
Nợ xấu/ Cho vay ròng	0,6%	0,5%	0,5%
LN/ TB cho vay	0,3%	0,2%	0,2%
Tổng tỷ lệ an toàn vốn	11,1%	12,4%	13,4%
Cấp tín dụng/ nguồn vốn	83,0%	83,4%	83,8%
<b>Biên lợi và độ đàn hồi</b>			
Thu nhập/ TS sinh lãi	8,0%	7,9%	8,0%
Chi phí cho các quỹ	4,6%	4,6%	4,6%
Lãi ròng/ Tài sản trung bình	3,5%	3,6%	3,7%
ROAE	24,3%	22,0%	20,5%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

**HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT****Khuyến nghị cổ phiếu**

<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

**Khuyến nghị ngành**

<b>TÍCH CỰC</b>	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
<b>TRUNG TÍNH</b>	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
<b>TIÊU CỰC</b>	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

**Trần Khánh Hiền - Giám đốc Phân tích**

Email: [hien.trankhanh@vndirect.com.vn](mailto:hien.trankhanh@vndirect.com.vn)

**Nguyễn Đặng Bảo Ngọc – Chuyên viên Phân tích cao cấp**

Email: [ngoc.nguyendang@vndirect.com.vn](mailto:ngoc.nguyendang@vndirect.com.vn)

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: [research@vndirect.com.vn](mailto:research@vndirect.com.vn)

Website: <https://vndirect.com.vn>